

Ninh Bình, ngày 17 tháng 4 năm 2018

Số: 83 /KH-BCĐ

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững**  
**tỉnh Ninh Bình năm 2018**

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về giảm nghèo bền vững tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018;

Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2018 trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu về giảm nghèo năm 2018, góp phần đạt các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016-2020.

Việc thực hiện Kế hoạch này phải tuân thủ các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành; kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về giảm nghèo bền vững tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2017-2020.

**II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

Mục tiêu: Tập trung giảm mạnh hộ cận nghèo, hạn chế tái nghèo; giảm khoảng cách tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giữa các vùng miền và các nhóm dân cư; cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân đặc biệt là ở các địa bàn khó khăn thuộc diện Chương trình 135, các xã bãi ngang ven biển; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh.

Chỉ tiêu: phấn đấu cuối năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo chung cả tỉnh giảm xuống còn 4,17% trở xuống (năm 2017 là 4,52%), tỷ lệ hộ cận nghèo còn 4,95%

trở xuống (năm 2017 là 6,1%) có phụ lục giao chỉ tiêu cho các huyện, thành phố kèm theo.

### **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

Triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách, chương trình phù hợp với thực tiễn; Lồng ghép với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị - xã hội để thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo năm 2018. Trong đó tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

#### **1. Các chính sách giảm nghèo chung**

##### ***1.1. Hỗ trợ Y tế***

Triển khai đồng bộ việc hỗ trợ mua và cấp thẻ BHYT, khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, người dân thuộc xã, thôn bản đặc biệt khó khăn... theo quy định của Luật BHYT, Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT; Nghị quyết 31/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đóng BHYT cho một số đối tượng có hộ khẩu thường trú tại tỉnh; Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ kinh phí đóng BHYT cho đối tượng thuộc hộ nghèo đa chiều không thiếu hụt BHYT; Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định, trình tự, thủ tục, nội dung và mức chi hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

##### ***1.2. Hỗ trợ giáo dục***

Tiếp tục thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ đảm bảo tạo điều kiện tốt nhất để huy động và duy trì tỷ lệ học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn đến lớp.

##### ***1.3. Hỗ trợ Đào tạo nghề, giải quyết việc làm - xuất khẩu lao động***

Tập trung thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và xuất khẩu lao động theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng tỉnh Ninh Bình đến năm 2020 và Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND về phê duyệt Đề án số 12/ĐA-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh về xuất khẩu lao động tỉnh Ninh Bình.

##### ***1.4. Hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh sinh viên, người lao động bị thu hồi đất***

Tiếp tục triển khai các chính sách ưu đãi tín dụng cho các nhóm đối tượng: người nghèo, hộ cận nghèo, học sinh sinh viên, người lao động bị thu hồi đất theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Quyết định số

15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo; Quyết định số: 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

### ***1.5. Hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo***

Thực hiện theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án "Hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 – 2015 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình" theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Huy động các tổ chức, cá nhân tiếp tục xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa và an sinh xã hội" của tỉnh để tham gia hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo.

### ***1.6. Hỗ trợ cung cấp nước sạch vệ sinh***

Hỗ trợ đầu tư, xây mới, tu bổ và nâng cấp hệ thống cấp và lưu trữ nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn vùng quanh năm và sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia thông qua các nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước và đóng góp của nhân dân.

### ***1.7. Hỗ trợ tiếp cận thông tin***

Kết hợp nguồn vốn từ CTMTQG giảm nghèo bền vững và các nguồn vốn khác xây dựng, nâng cấp và củng cố phát triển hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở. Hỗ trợ phương tiện nghe, nhìn cho các hộ nghèo tại vùng đặc biệt khó khăn. Ưu tiên hoàn thiện hệ thống công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thông tin trên địa bàn xã/ thôn.

### ***1.8. Trợ giúp pháp lý***

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nội dung trợ giúp pháp lý cho người nghèo; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách bảo trợ xã hội; huy động xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa và an sinh xã hội năm 2018; duy trì và phát triển đàn bê giống do Tập đoàn Vingroup tài trợ.

## **2. Triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**

### ***2.1. Dự án 1: Chương trình 30a***

Thực hiện các nội dung: hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; duy tu bảo dưỡng các công trình; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài tại 05 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển huyện Kim Sơn (Kim Mỹ, Kim Hải, Kim Tân,

Kim Trung, Côn Thoi) theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

## **2.2. Dự án 2: Chương trình 135**

Thực hiện các nội dung: hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; duy tu bảo dưỡng các công trình; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở 05 xã đặc biệt khó khăn (Cúc Phương, Kỳ Phú, Phú Long, Quảng Lạc, Thạch Bình), 24 thôn đặc biệt khó khăn của xã khu vực II trên địa bàn huyện Nho Quan theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

## **2.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135**

Thực hiện các dự án do UBND các xã, UBND các huyện/thành phố xây dựng và được thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

## **2.4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

a) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo: tổ chức hội nghị đối thoại chính sách giảm nghèo tại cơ sở, in phát tờ rơi, làm băng rôn, pa nô, áp phích tuyên truyền công tác giảm nghèo nhân ngày vì người nghèo 17/10 trên địa bàn toàn tỉnh; tổ chức các hoạt động truyền thông giảm nghèo theo hình thức sân khấu hóa để thúc đẩy giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giữa các thôn, bản, xã, huyện thực hiện Chương trình; phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo

b) Hoạt động giảm nghèo về thông tin: Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở, ưu tiên cho cán bộ cấp xã và cấp thôn, bản; hỗ trợ sản xuất, biên tập, phát sóng, phát hành, truyền tải, lưu trữ, quảng bá, phục vụ người đọc các sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, xuất bản phẩm và các sản phẩm thông tin khác để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình và các thông tin thiết yếu khác. Hỗ trợ phương tiện nghe, xem cho các hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn.

## **2.5. Dự án 5: Nâng cao năng lực, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước; tổ chức hội thảo, hội nghị về giảm nghèo. Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, đột xuất. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018; tổ chức

điều tra, đánh giá đầu giữa kỳ. Hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Từ nguồn ngân sách Trung ương CTMTQG giảm nghèo bền vững theo quyết định 440/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh, nguồn kinh phí CTMTQG giảm nghèo chuyển từ năm 2017 sang 2018; Ngân sách tỉnh nguồn chi đảm bảo xã hội đã cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện nội dung rà soát hộ nghèo năm 2018; Dự toán ngân sách năm 2018 của các sở, ngành, đơn vị, địa phương.

Kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; sự tham gia đóng góp ngày công lao động, vật tư của người dân, cộng đồng.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh, chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện kế hoạch. Trực tiếp triển khai các nội dung: Nâng cao năng lực cán bộ và cộng đồng địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; truyền thông về giảm nghèo; nâng cao năng lực, kiểm tra, đánh giá thực hiện chương trình.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Hướng dẫn các địa phương thực hiện lồng ghép và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới; đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn toàn tỉnh.

##### **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành và đơn vị liên quan hướng dẫn các đơn vị, địa phương xây dựng dự toán, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định.

##### **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân. Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các địa phương thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế. Tổng hợp báo cáo giám sát, báo cáo đánh giá theo quy định.

##### **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các địa phương thực hiện dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin. Trực tiếp triển khai nội dung giảm nghèo về thông tin. Tổng hợp báo cáo giám sát, báo cáo đánh giá theo quy định.



## **6. Sở Y tế**

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tuyên truyền vận động người dân sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế. Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – TBXH, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các cơ quan liên quan hướng dẫn các địa phương thực hiện hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người dân; chỉ đạo các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện hỗ trợ một phần kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo theo quy định.

## **7. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông, học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn.

## **8. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thành phố thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo quy định.

## **9. Sở Công Thương**

Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình tổng hợp số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện do UBND huyện, thành phố lập, báo cáo UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài chính. Giám sát, kiểm tra, thanh tra quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện trên địa bàn tỉnh.

## **10. Sở Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện nội dung trợ giúp pháp lý cho người nghèo theo quy định.

## **11. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tỉnh**

Thực hiện các chính sách ưu đãi tín dụng cho người nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh sinh viên, người lao động bị thu hồi đất, cho vay hỗ trợ xuất khẩu lao động theo quy định của Nhà nước và Đề án xuất khẩu lao động của UBND tỉnh.

## **12. Cục Thống kê tỉnh**

Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong việc kiểm tra, giám sát, thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2018.

## **13. Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan**

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 140-QĐ/TU ngày 01/3/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về việc phân công các cơ quan, đơn vị phụ trách và các doanh nghiệp kết nghĩa với các xã có tính chất đặc thù. Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các cơ quan chủ trì dự án, UBND các huyện/thành phố trong việc triển khai, thực hiện kế hoạch.

#### **14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức Đoàn thể của tỉnh**

Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa và an sinh xã hội”. Vận động các nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo bền vững; xây dựng và nhân rộng các mô hình tiên tiến về giảm nghèo bền vững; tổ chức giám sát và phản biện xã hội về giảm nghèo bền vững.

#### **15. UBND các huyện, thành phố**

Xây dựng Kế hoạch giảm nghèo của địa phương phù hợp với thực tiễn; nội dung của kế hoạch phải xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng phòng, ban, đơn vị, cá nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện; giao chỉ tiêu giảm số hộ nghèo, hộ cận nghèo đến từng xã/phường/thị trấn, lưu ý tập trung giảm mạnh hộ cận nghèo. Tổ chức thực hiện đầy đủ các chính sách giảm nghèo chung và các dự án Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (nếu có). Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện đối với cấp xã. Đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 vào cuối năm 2018 báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh theo quy định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2018 của tỉnh Ninh Bình, yêu cầu các sở, ngành, địa phương căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VP2, VP3, VP4, VP5, VP6, VP8.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Tống Quang Thìn**



Phụ lục

**CHI TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2018 CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Kế hoạch số 83 /KH-UBND ngày 17 / 4 /2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Số TT	Đơn vị	Số liệu cuối năm 2018				
		Tổng số hộ tự nhiên	Cận nghèo		Hộ nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>300.396</b>	<b>14.865</b>	<b>4,95</b>	<b>12.522</b>	<b>4,17</b>
1	Thành phố Ninh Bình	35.500	510	1,44	397	1,12
2	Thành phố Tam Điệp	17.930	350	1,95	265	1,48
3	Huyện Nho Quan	45.600	2.200	4,82	2.400	5,26
4	Huyện Gia Viễn	39.100	1.600	4,09	1.500	3,84
5	Huyện Hoa Lư	25.000	1.300	5,20	870	3,48
6	Huyện Yên Khánh	45.690	2.000	4,38	1.390	3,04
7	Huyện Kim Sơn	53.576	4.455	8,32	3.700	6,91
8	Huyện Yên Mô	38.000	2.450	6,45	2.000	5,26